TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19/8 và ngày 14/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc "Ly hôn" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ong Thị H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Lê Thị hiên, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1973 (có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 14/9/2022) Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Ong Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Bùi Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tháng 9/2015 tại UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, ban đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc . Năm 1988 vợ chồng xảy ra muâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và bố mẹ chị mua đất cho chị để chị ra ở riêng sau khi chị có đơn ly hôn. Tuy nhiên vì con cái anh T có sang xin đoàn tụ nên chị đã rút đơn ly hôn và anh T sang ở cùng mẹ con chị. Đến năm 2006 chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian 03 năm đầu mới sang vợ chồng vẫn liên lạc nhưng một thời gian thì ít liên lạc với nhau nếu có liên lạc thì cũng chỉ liên lạc về chuyện của con cái, năm thứ 4 trở đi thì mỗi năm chị về nước một lần thì vợ chồng có nói chuyện cùng nhau nhưng nhiều lần chị về nhà có nói với anh T chuyện ly hôn, nhưng vì nhiều lý do nên anh chị chưa giải quyết được. Mâu thuẫn giữa chị và anh T từ trước khi chị đi nước ngoài nên vợ chồng không đoàn tụ được, mỗi người một nơi nên không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn Dương, sinh năm 1996 và Bùi Thị Bảo Linh, sinh ngày 20/12/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Do các tài liệu chị H gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên ngày 15/3/2022 người đại diện theo ủy quyền của chị H có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của chị H tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/02/2022.

- Tại kết luận giám định số 844/KL-KTHS ngày 19/5/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B đã kết luận Dấu vân tay màu đỏ in trên Đơn khởi kiện, bản tự khai mẫu dấu vân tay in tại ô " Cái phải, Trỏ phải" chỉ bản của chị Ong Thị H là của cùng một người.

* Bị đơn là T trình bày:

Anh và chị H có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tháng 9/1995 không có ngày đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị H có về nhà anh làm dâu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2007 chị H đi nước ngoài vợ chồng anh vẫn thường xuyên liên hệ với nhau. Vợ chồng không có muân thuẫn gì, nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng

vẫn còn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Văn Dương sinh năm 1996 và Bùi Thị Bảo Linh, sinh ngày 20/12/2003 hiện nay hai con chung đã trưởng thành anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị có tài sản chung là ngôi nhà 2.5 tầng xây năm 2009 chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản, anh không có ý kiến gì.

Về công nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Anh T trình bày: Anh chị có mâu thuẫn nhưng chỉ là nhỏ nhặt trong gia đình, anh vẫn yêu thương chị, vợ chồng không có việc đánh cãi chửi nhau gì lớn, anh có đánh chị nhưng chỉ là nhất thời do nóng giận, thực tế anh còn yêu thương chị, vợ chồng không chung nhau về kinh tế từ khi chị đi nước ngoài tuy nhiên anh cũng không cần chị gửi tiền về vì anh có thu nhập tốt có thể đảm bảo cuộc sống cho anh và các con anh.

Do anh T không đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm về nguyên nhân mâu thẫn có hay không. Kết quả xác minh như sau:

Ông Ong Văn Mạnh là bố đẻ chị H trình bầy: Chị H sau khi có con chung là cháu Dương được khoảng 3 đến 4 tháng tuổi anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn, anh T đuổi chị H về nhà ông nên ông có mua đất cho chị H ở. Vợ chồng anh chị lại quay về chung sống nhưng vẫn không hòa thuận, tiếp tục cãi cọ nhau, nhiều lần anh T đánh chị H và dọa giết nên chị H đã đi nước ngoài. Hai bên gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả, từ lâu anh T cũng không đi lại với gia đình. Hai con chung của chị H cũng không sống cùng anh T mà đang sống cùng với chị Ong Thị Hường là em gái chị H là do các cháu sống cùng với bố luôn bị bố mắng chửi vô cớ. Chị H vẫn gửi tiền về cho các cháu ăn học qua chị Hường. Từ khi biết chị H có đơn xin ly hôn anh T thường xuyên đe dọa giết người trong gia đình ông.

Chị Ong Thị Hường trình bầy: chị là em gái chị H, hiện nay các con chung của anh T, chị H đang sống cùng chị. Có lần anh T khóa cửa lại và dọa giết chị H và con gái. Quá trình chị H chung sống cùng anh T thì chị H có nói với chị mâu thuẫn vợ chồng chị H đã rất trầm trọng, chị H không thể hàn gắn với anh T được nữa.

Anh Bùi Văn Dương trình bầy: anh là con của ông T và bà H, bố anh nhiều lần say xỉn và gây sự với mẹ anh. Trong những lần mẹ anh về nước, có lần bố anh cầm dao dọa giết mẹ anh, mẹ anh có trình báo với công an và đưa em gái anh đi ở nhờ nhà người thân.

Chị Bùi Thị Bảo Linh trình bầy: chị là con của ông T, bà H. Mẹ chị khi ở nước ngoài về phép 1 tháng thì bố mẹ chị thường xuyên xẩy ra cãi cọ đánh đập nhau, nguyên nhân là gì thì chị không biết nhưng bố chị khi uống rượu về thường xuyên đánh đập mẹ chị, sự việc đã xẩy ra nhiều năm. Khi mẹ chị ở nước ngoài chỉ liên lạc với chị và anh trai chị, không liên lạc với bố chị đã nhiều năm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ong Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: chị H không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Ong Thị H chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000 đồng tiền án phí giám định dấu vân tay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ong Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan ở địa chỉ: Kaohsing city Yang minh Road 471 nole 9F-2 có đơn xin ly hôn đối với anh Bùi Văn T. Bị đơn anh T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về

quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên toà ngày 19/8/2022 anh T có mặt, do phiên tòa tạm ngừng để thu thập thêm tài liệu chứng cứ và mở lại phiên tòa vào ngày 14/9/2022 Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ong Thị H và anh Bùi Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Ong Thị H và anh Bùi Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị H xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai Chị H đã ra nước ngoài sống từ năm 2006. Anh T không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Tòa án đã tiến hành xác minh bố đẻ, các con và em gái chị H thấy trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên cãi vã nhau, anh T đánh chị H mỗi khi say rượu. Hiện chị Ong Thị H và anh Bùi Văn T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị H và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy anh T trình bầy anh vẫn còn tình cảm với chị H là không có căn cứ. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ong Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T .

[4]. Về con chung:

Chị Ong Thị H anh Bùi Văn T có 02 con chung là Bùi Văn Dương, sinh năm 1996 và Bùi Thị Bảo Linh, sinh ngày 20/12/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Ong Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký: Chị Ong Thị H tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị H. (Xác nhận chị H đã nộp và chi phí xong số tiền này).

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ong Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về án phí: Chị Ong Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 448 ngày 01/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Chị Ong Thị H tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị H. Xác nhận chị H đã nộp và chi phí xong số tiền này.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Ong Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Văn T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường